TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2022
V/v " Ly hôn, quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Hồng Sơn
2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan
- Thư ký phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát V.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27/10/2021, về việc: *"Ly hôn, quyền nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX ST-HNGĐ ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa:

- Nguyên đơn: bà **Trần Thức Nhã V** - sinh năm 1986
Địa chỉ: số nhà 02/6 Lê Lai, tổ dân phố 9, khu phố Song Thanh 3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
- Bị đơn: ông **Nguyễn Thanh N** - sinh năm 1983
Địa chỉ: xóm 5B, thôn Phú Hòa, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thức Nhã V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh N xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phú (nay là UBND thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T, tỉnh Bình Thuận) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 75/2014; quyển số 01/2014, ngày 31/12/2014. Vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột ông N tại khu phố Phú Hòa, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T; cuộc sống chung vợ chồng

không đạt được hạnh phúc, nguyên nhân là do ông N sống không có trách nhiệm với vợ con, không lo chăm lo làm ăn, mà lâm và nhậu nhẹt, có tính cờ bạc (cá độ bóng đá); bà đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo nhưng ông N vẫn không thay đổi; từ năm 2019 vợ chồng đã tự sống ly thân, bà đã về nhà cha mẹ ruột của bà tại khu phố Song Thanh 3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T làm ăn sinh sống nuôi con cho đến nay, không ai quan tâm đến ai;

Từ năm 2019 cho đến nay, ông N không còn ở địa phương nữa, mà đã đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống, đi đi về về không rõ địa chỉ ở cụ thể. Bà có liên lạc yêu cầu ông N về để giải quyết ly hôn nhưng ông không về.

Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nữa, cuộc sống vợ chồng đã chấm dứt từ lâu, tại Tòa hôm nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Đăng Khoa - sinh ngày 15/02/2015. Bà đã trực tiếp nuôi con từ nhỏ cho đến nay, nguyện vọng của bà là xin tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi thành niên. Tôi không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thức Nhã V,

- Về hôn nhân: bà Trần Thức Nhã V được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Đăng Khoa - sinh ngày 15/02/2015.Giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: bà V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện "Ly hôn và tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Bình Thuận.

- Đối với ông N, kể từ khi tòa án thụ lý vụ án, thì ông N đã không còn ở tại địa phương nữa, theo bà V trình bày, từ năm 2019 cho đến nay, ông N đã đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống, đi đi về về không rõ địa chỉ ở cụ thể. Bà có liên lạc yêu cầu ông N về để giải quyết ly hôn nhưng ông không về, bà V cũng không biết được nơi ở mới của ông N, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông N tại nơi cư trú cuối cùng của ông N, theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay ông N vẫn vắng mặt không lý do, nên áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: bà V và ông N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phú (cũ) nay là UBND thị trấn Phan Rí Cửa, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 75/2014; quyển số 01/2014, ngày 31/12/2014, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo bà V khai cuộc sống của vợ chồng không đạt được hạnh phúc, nguyên nhân là do ông N sống không có trách nhiệm với vợ con, không lo chăm lo làm ăn, mà lâm vào nhậu nhẹt, cờ bạc (cá độ bóng đá); bà đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên bảo nhưng ông N vẫn không thay đổi; từ năm 2019 vợ chồng đã tự sống ly thân, bà đã về nhà cha mẹ ruột của bà tại khu phố Song Thanh 3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện T làm ăn sinh sống nuôi con cho đến nay, không ai quan tâm đến ai còn ông N không còn ở địa phương nữa, mà đã đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà V xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông N nữa, bà không đồng ý trở lại đoàn tụ và tha thiết yêu cầu được ly hôn với ông N.

Như vậy, có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà V và ông N không đạt được hạnh phúc, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, kể từ năm 2019 họ đã tự sống ly thân không quan tâm đến nhau, nên bà V xin ly hôn với ông N là chính đáng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung, Nguyễn Trần Đăng Khoa - sinh ngày 15/02/2015, hiện đang ở với bà V, bà V yêu cầu được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Khoa cũng xin được tiếp tục ở với mẹ cháu. Để đảm bảo tính ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của cháu, nên cần được duy trì quyền trực tiếp nuôi con đối với bà V.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về hôn nhân: cho bà Trần Thức Nhã V ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung:

- Giao cho bà V tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trần Đăng Khoa - sinh ngày 15/02/2015 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Không ai được ngăn cản ông N quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: bà V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí của bà V đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003102 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên án phí đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/4/2022). Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Sơn **Nguyễn Hoàng Bích Loan** **Nguyễn Văn Thạch**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Nơi nhận: **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;

- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch